

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS- ST

Ngày: 08, 09 - 01 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Nam Đùng

Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:

Bà Thái Thị Thê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST - HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Võ Thị Thu V, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Võ Văn T, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Võ Thị V1, sinh năm 1939; Chồng: Phan Quốc Đ, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và có 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án: Không có; tiền sự: 01 (một) tiền sự về hành vi “Mua bán hàng cấm”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Bé B, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1984, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1948 (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Diệp Văn V2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Diệp Trung R, sinh năm 1936 (đã chết) và Nguyễn Thị G, sinh năm 1938 (đã chết); Vợ Phan Thị C, sinh năm 1969 (đã ly hôn) và có 02 người, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1938 và Huỳnh Thị V3, sinh năm 1948; Vợ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972 và có 02 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T3, sinh năm 1960 và bà Thái Thị D, sinh năm 1961; Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và có 02 người, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Thị Ngọc K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn S1, sinh năm 1937 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1942; Chồng: Huỳnh Tấn T4, sinh năm 1984 và có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Văn Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Phạm Văn B1, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1952; Vợ: Lâm Thị Ngọc T5, sinh năm 1985 và có 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn V4, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị Hồng L2, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và có 03 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Trương Thanh P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Văn Q1, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị L3, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị U, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 người, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Phan Thị H2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 1/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T6, sinh năm 1951 và bà Huỳnh Thị K1, sinh năm 1954; Chồng: Lê Thanh D1, sinh năm 1978 và có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Trần Thị Kiều L4, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn K2, sinh năm 1951 và bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1951; Chồng: Nguyễn Văn T7, sinh năm 1980 và có 02 người, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Thị Thúy L5, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1990, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Duy K3, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị L6, sinh năm 1966; Chồng: không có và có 01 người, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Lê Văn T8, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con Lê Văn C1, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Trần Thị Ú, sinh năm 1954; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 50 phút ngày 24/01/2023, Công an huyện C phát hiện và triệt xóa vụ “Đánh bạc” dưới hình thức chơi bài binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền tại nhà bị cáo Võ Thị Thu V. Tại khu vực diễn ra đánh bạc là khu vực gác lửng quán nước giải khát, Công an huyện C tạm giữ 01 (một) bộ bài Tây loại 52 lá (đã qua sử dụng) cùng số tiền 1.900.000đồng và tạm giữ 02 (hai) bộ bài Tây loại 52 lá (01 bộ đã qua sử dụng, 01 bộ chưa qua sử dụng) tại khu vực tủ trưng bày bên trong quán nước giải khát của bị cáo V. Đồng thời, tiến hành lập biên bản tạm giữ tổng số tiền 34.083.000đồng trên người các đối tượng và mời những người có mặt tại nơi diễn ra đánh bạc đưa về trụ sở Công an huyện C để xác minh làm rõ, gồm: Lê Văn T8, sinh năm 1985; Nguyễn Thị Thúy L5, sinh năm 1990; Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; Phan Thị H2, sinh năm 1979; Phan Văn L, sinh năm 1982; Phạm Văn Q, sinh năm 1977; Trần Thị Kiều L4, sinh năm 1980; Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1984; Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972 cùng cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Các đối tượng Trương Thanh P, sinh năm 1984; Diệp Văn V2, sinh năm 1967; Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1984 cùng cư trú: Ấp C, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nguyễn Văn V4, sinh năm 1979; cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Quá trình điều tra có cơ sở xác định vào khoảng 13 giờ ngày 24/01/2023, phía trên gác lửng nhà của bị cáo Võ Thị Thu V có diễn ra vụ đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền gồm nhiều người tham gia. Quá trình tham gia, những người đánh bạc thỏa thuận mỗi người làm cái 03 (ba) ván xoay vòng, mỗi ván bài được chia làm 04 (bốn) tụ bài. Trong đó, 01 (một) tụ làm cái, 03 (ba) tụ bài còn lại đặt tiền cược trực tiếp xuống chiếu bạc để tính thắng, thua với người làm cái, ngoài ra các con bạc còn lại tham gia bằng hình thức đặt tiền ké trực tiếp vào các tụ bài đặt cược hoặc thông qua người làm cái. Trong quá trình đánh bạc các bị cáo Nguyễn Văn Bé B, Nguyễn Văn N và Diệp Văn V2 thay phiên nhau làm cái và thay phiên nhau ngồi tụ đặt tiền khi từng bị cáo còn lại làm cái, bị cáo Phan Văn L ngồi tụ đặt tiền nhưng không tham gia làm cái. Trong đó, các bị cáo tham gia đặt tiền ké gồm Nguyễn Văn V4, Phan Thị H2 và Lê Văn T8 đặt ké tụ bài của bị cáo Nguyễn Văn N; các bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5, Trần Thị Kiều L4 và Trần Thị Ngọc K đặt ké tụ bài của bị cáo Phan Văn L; bị cáo Phạm Văn Q và bị cáo Trương Thanh P đặt ké tụ bài của bị cáo Diệp Văn V2.

Kết quả điều tra xác định các bị cáo nêu trên tham gia đánh bạc với hình thức nhiều người cùng đánh bạc với nhau mà được, thua bằng tiền, cụ thể: Phan Văn L sử dụng số tiền 1.900.000 đồng để đánh bạc. Diệp Văn V2 sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc. Trần Thị Ngọc K sử

dùng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn Bé B sử dụng số tiền 752.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn Q sử dụng số tiền 650.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn V4 sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Trương Thanh P sử dụng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Phan Thị H2 sử dụng số tiền 250.000 đồng để đánh bạc. Trần Thị Kiều L4 sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Thị Thúy L5 sử dụng số tiền 150.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn N sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Lê Văn T8 sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền mà các bị cáo cùng đánh bạc là 6.902.000 đồng.

Căn cứ vào tổng số tiền tham gia đánh bạc cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định hành vi của Phan Văn L, Diệp Văn V2, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 cấu thành tội phạm “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 24/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phan Văn L, Diệp Văn V2, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 về hành vi “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự để tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định.

Quá trình làm việc với bị cáo Võ Thị Thu V xác định, bị cáo V sinh sống một mình và kinh doanh bán bia, nước giải khát tại nhà thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình buôn bán, kể từ tháng 12/2022 bị cáo V cho phép nhiều người đến quán của mình đánh bài dưới hình thức tiến lên (sử dụng bài Tây 52 lá) mà được, thua bằng tiền, sau đó người thắng sẽ sử dụng tiền thắng được để mua nước uống tại quán của bị cáo V. Đồng thời, bị cáo V yêu cầu những người tham gia đánh bài phải trả tiền cho bị cáo giá trị những chai nước giải khát và bài Tây (loại 52 lá) cao hơn giá trị mà bị cáo bán cho khách không tham gia đánh bài để hưởng lợi nhuận nhưng không quy định cụ thể số tiền chênh lệch. Do nhu cầu giao bia cho khách nên bị cáo V không có mặt thường xuyên tại quán nước và bị cáo yêu cầu người tham gia đánh bạc tự lấy nước giải khát uống và bài Tây để trong tủ trưng bày, đồng thời tự trả tiền bài và nước uống vào hộp đựng trà bí đao trong tủ trưng bày.

Kết quả điều tra xác định, vào khoảng 09 giờ ngày 24/01/2023, tại khu vực quán nước giải khát của bị cáo Võ Thị Thu V (dưới tầng trệt) có tổ chức chơi bài tiến lên và binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền gồm bị cáo Phan Thị H2, bị cáo Diệp Văn V2 cùng nhiều người khác (không xác định được là ai) tham gia. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày bị cáo H2 và bị cáo V2 ra về nhưng vẫn còn nhiều người ở lại tiếp tục tham gia đánh bạc. Sau đó, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 đến quán nước giải khát của bị cáo V để tham gia đánh bạc thì điểm đánh bạc đã được chuyển lên gác và các bị cáo đã lên gác tham gia đánh bạc đến khi lực lượng Công an phát hiện. Đồng thời, trong ngày 22/01/2023 và ngày 23/01/2023, bị cáo Võ Thị Thu V đã cho phép các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Thị H2, Trương Thanh P, Phạm Văn Q và Nguyễn Thị Thúy L5 tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền tại quán nước giải khát của mình. Bên cạnh đó, trong ngày 23/01/2023, bị cáo Võ Thị Thu V đã cung cấp bài cho các bị cáo Phan Thị H2, Diệp Văn V2 cùng nhiều người khác tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền; trong khi đó bị cáo V có trực tiếp tham gia. Do đó, bị cáo V hoàn toàn biết rõ ngoài việc đánh bài tiến lên thì các con bạc còn tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài binh Ấn Độ mà được, thua bằng tiền tại quán nước của bị cáo V. Đồng thời, ngày 24/01/2023 bị cáo V tiếp tục cho phép các con bạc tham gia tại quán nước của mình.

Căn cứ kết quả điều tra, thu thập tài liệu xác định hành vi của Võ Thị Thu V là cung cấp địa điểm thuộc quyền quản lý của mình cho 12 người tham gia đánh bạc với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.902.000 đồng để thu lợi bất chính. Hành vi của Võ Thị Thu V đã cấu thành tội phạm “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình

sự để bổ sung hành vi “Gá bạc”, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị cáo để tạm giam đối với Võ Thị Thu V về hành vi “Gá bạc”. Ngày 08/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thi hành Lệnh bắt bị cáo để tạm giam phục vụ điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, lời trình bày của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người làm chứng, với hiện trường xảy ra vụ án và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

- Đối với Nguyễn Thị T2, quá trình điều tra xác định T2 không có tham gia đánh bạc với các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý.

- Đối với hành vi “Đánh bạc trái phép” của các bị cáo Phan Thị H2, Trương Thanh P, Diệp Văn V2, Phạm Văn Q và Nguyễn Thị Thúy L5 trước ngày 24/01/2023 tại quán nước giải khát của bị cáo Võ Thị Thu V không xác định được số tiền tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa đủ căn cứ để chuyển Cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 58/CT-VKS-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Võ Thị Thu V về tội “Gá bạc” theo điểm b, khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 phạm tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo gồm: Võ Thị Thu V, Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Võ Thị Thu V thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có cậu ruột là Võ Văn D2 được Nhà nước tặng Bằng khen “Đã góp công sức vào cuộc chống Mỹ cứu nước” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo: Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên hưởng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T7 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo chỉ thành khẩn khai báo nhưng không ăn năn hối cải do trong thời gian bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố và chờ Tòa án xét xử thì bị cáo tiếp tục có hành vi đánh bạc và bị Công an huyện C xử phạt hành chính; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo gồm: Nguyễn Văn N có ông nội ruột Nguyễn Văn M được công nhận là Liệt sĩ. Bị cáo Nguyễn Văn Bé B có cha ruột là ông Nguyễn Văn X tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được truy tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và được Hội người cao tuổi Việt Nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam. Bị cáo Phan Văn L có ông ngoại ruột Thái Văn Q2 được công nhận là Liệt sĩ và được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 có bà ngoại ruột là bà Phan Thị G1 có đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được UBND tỉnh T tặng Bằng khen; gia đình ông bà ngoại ruột của bị cáo là ông Đỗ Văn B2 và bà Phan Thị G1 được truy tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Phạm Văn Q có cậu ruột Đặng Văn H4 được công nhận là liệt sĩ. Bị cáo Trần Thị Kiều L4 có bác Trần Văn G2, ông nội Trần Văn T9 được công nhận là liệt sĩ. Bị cáo Lê Văn T8 có cậu Trần Văn B3 được truy tặng

Huân chương kháng chiến hạng Ba đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Phan Thị H2 có cha Phan Văn T6 là thương binh hạng 4/4; ông ngoại Huỳnh Văn B4 được công nhận là liệt sĩ; cậu Huỳnh Văn H5 được công nhận là liệt sĩ và cậu Huỳnh Văn C2 được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do các bị cáo nêu trên có thân nhân có công cách mạng nên đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ từng tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên Vị đại diện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

1. Bị cáo Võ Thị Thu V: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2023. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Bị cáo Nguyễn Văn Bé B: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Bị cáo Lê Văn T8: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 02 năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Bị cáo Diệp Văn V2: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo Nguyễn Văn N: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo Phan Văn L: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Bị cáo Trần Thị Ngọc K: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

8. Bị cáo Phan Văn Q3: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

9. Các bị cáo Nguyễn Văn V4 và bị cáo Trương Thanh P: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

10. Các bị cáo Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4 và bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây (loại 52 lá) trong đó có 02 bộ đã qua sử dụng (Trong đó: 01 bộ sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023 không rõ của ai, còn lại 02 bộ của bị cáo Võ Thị Thu V không sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023)

- Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và thắng bạc. Cụ thể các khoản như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Văn Bé B số tiền 752.000 đồng (đang tạm giữ 52.000 đồng, buộc bị cáo nộp thêm 700.000 đồng).

+ Bị cáo Diệp Văn D3 số tiền 1.200.000 đồng (trong số tiền 5.532.000 đồng bị tạm giữ). Còn lại số tiền 4.532.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.000.000 đồng). Còn lại số tiền 2.800.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Phan văn L7 số tiền 1.900.000 đồng.

+ Bị cáo Trần Thị Ngọc K số tiền 800.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 4.300.000 đồng). Còn lại số tiền 3.500.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Phạm Văn Q số tiền 650.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 4.100.000 đồng). Còn lại số tiền 3.450.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn V4 số tiền 500.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.046.000 đồng). Còn lại số tiền 2.546.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Trương Thanh P số tiền 400.000 đồng.

+ Bị cáo Phan Thị H2 số tiền 250.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 7.850.000 đồng). Còn lại số tiền 7.600.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Trần Thị Kiều L4 số tiền 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 1.579.000 đồng). Còn lại số tiền 1.379.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 số tiền 150.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 835.000 đồng). Còn lại số tiền 685.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Bị cáo Lê Văn T8 số tiền 300.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.789.000 đồng). Còn lại số tiền 3.489.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tổng số tiền là 35.983.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã nộp vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước huyện C quản lý.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc các bị cáo Võ Thị Thu V, Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Võ Thị Thu V, Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: Võ Thị Thu V, Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên và không có ý kiến gì. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai này của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai biên bản sự việc do Công an xã T lập ngày 24/01/2023; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ; phù hợp với lời khai của người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 24/01/2023, bị cáo Võ Thị Thu V cho phép các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 đánh bài binh Ẩn độ mà được, thua bằng tiền phía trên gác lửng nhà của bị cáo thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc 6.902.000 đồng.

[2] Do đó, hành vi của bị cáo Võ Thị Thu V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định điểm b, khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định điểm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp gây mất an ninh đến trật tự an toàn ở địa phương, ảnh hưởng đến công tác quản lý hành chính của chính quyền địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, văn minh của nhân dân. Đối với bị cáo Võ Thị Thu V biết rõ rằng mình đã bị xử phạt hành chính về hành vi mua bán hàng cấm; bị cáo biết được hành vi để cho các người khác sử dụng khu vực gác lửng quán nước giải khát tại nhà thuộc quyền quản lý của bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc sẽ vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp pháp luật cố tình thực hiện. Đối với các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 chỉ vì ham mê cờ bạc đã cố tình tập trung tại quán nước giải khát của bị cáo V thực hiện đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài binh Ẩn Độ mà được, thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, việc khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử các bị cáo trước pháp luật là cần thiết. Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp nhằm mục đích răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân chấp hành đúng quy định của pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, còn góp phần vào công tác đấu tranh, ngăn chặn tội phạm, giữ vững trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

[4] Vai trò của các bị cáo trong vụ án này có mức độ hành vi vi phạm khác nhau nên Hội đồng xét xử đánh giá hành vi của từng bị cáo. Đối với bị cáo Võ Thị Thu V: Bị cáo biết rõ mình đã bị xử phạt hành chính về hành vi mua bán hàng cấm; bị cáo cũng biết được hành vi để cho người khác sử dụng khu vực gác lửng quán nước giải khát tại nhà thuộc quyền quản lý của bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc sẽ vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp pháp luật cố tình thực hiện. Cụ thể bị cáo V đã tạo điều kiện cho các đối tượng đánh bạc sử dụng địa điểm là quán nước giải khát thuộc quyền quản lý của mình để cho 12 người đánh bạc với tổng số tiền dùng đánh bạc là 6.902.000 đồng. Đối với các bị cáo Diệp Văn V2, Nguyễn Văn Bé B và Nguyễn Văn N ngoài việc dùng tiền tham gia đánh bạc còn trực tiếp làm cái cho các bị cáo còn lại đặt tiền. Đối với các bị cáo Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5 và Lê Văn T8 trực tiếp tham gia đánh bạc. Các bị cáo chỉ vì ham mê cờ bạc đã cố tình tập trung tại quán nước giải khát của bị cáo V để thực hiện đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài binh Ẩn Độ mà được, thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền dùng đánh bạc là 6.902.000 đồng.

[5] Lẽ ra, các bị cáo cần làm tốt vai trò của bản thân trong gia đình, lo chí thú lao động để phát triển kinh tế, lo cho gia đình, nuôi dưỡng và giáo dục con cái về nhân cách, đạo đức và ý thức chấp hành pháp luật. Không làm được như vậy, mà các bị cáo lại cố ý vi phạm pháp luật về hành vi gá bạc và đánh bạc mà pháp luật nghiêm cấm. Từ đó, cho thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử, cần xem xét, đánh giá mức độ vi phạm của từng bị cáo mà có áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội để áp dụng tương xứng với từng hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc cho các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ một phần thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như sau:

Bị cáo Võ Thị Thu V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5 và Nguyễn Văn N đã phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Lê Văn T8 cũng thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chỉ thành khẩn khai báo nhưng bị cáo chưa ăn năn hối cải do trong thời gian bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố và chờ Tòa án xét xử thì bị cáo tiếp tục có hành vi đánh bạc và bị Công an huyện C xử phạt hành chính nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo có thân nhân có công với cách mạng gồm:

Bị cáo Võ Thị Thu V có cậu ruột là Võ Văn D2 được Nhà nước tặng Bằng khen “Đã góp công sức vào cuộc chống Mỹ cứu nước”. Bị cáo Nguyễn Văn N có ông nội ruột Nguyễn Văn M được công nhận là Liệt sĩ. Bị cáo Nguyễn Văn Bé B có cha ruột là ông Nguyễn Văn X tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được truy tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và được Hội người cao tuổi Việt Nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam. Bị cáo Phan Văn L có ông ngoại ruột Thái Văn Q2 được công nhận là Liệt sĩ và được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 có bà ngoại ruột là bà Phan Thị G1 có công đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được UBND tỉnh T tặng Bằng khen; gia đình ông bà ngoại ruột của bị cáo là ông Đỗ Văn B2 và bà Phan Thị G1 được truy tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Phạm Văn Q có cậu ruột Đặng Văn H4 được công nhận là liệt sĩ. Bị cáo Trần Thị Kiều L4 có bác Trần Văn G2, ông nội Trần Văn T9 được công nhận là liệt sĩ. Bị cáo Lê Văn T8 có cậu Trần Văn B3 được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Phan Thị H2 có cha Phan Văn T6 là thương binh hạng 4/4; ông ngoại Huỳnh Văn B4 được công nhận là liệt sĩ; cậu Huỳnh Văn H5 được công nhận là liệt sĩ và cậu Huỳnh Văn C2 được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do các bị cáo V, Bé B4, N, L, Q, H2, Kiều L4, Thúy L5 và T8 được Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Từ phân tích các tình các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt và đánh giá từng hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Võ Thị Thu V đã sử dụng địa điểm của mình để cho 12 người khác đánh bạc, bị cáo có 01 (một) tiền sự về hành vi “Mua bán hàng cấm”. Do đó, việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo V đã không đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nên buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo sửa chữa sai lầm của mình trở thành người có lợi cho gia đình và có ích cho xã hội.

- Bị cáo Nguyễn Văn Bé B dùng số tiền 752.000 đồng để đánh bạc (kết quả không ăn thua). Tuy bị cáo Bé B không có tiền án tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu là vào năm 2009 bị cáo từng cơ quan công an huyện huyện C xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Do đó, việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Bé B là chưa đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B5 Bằng hình phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt tiền bổ sung mới đảm bảo việc răn đe giáo dục cho bị cáo Bé B. Đồng thời, giao bị cáo Bé B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh kết hợp với gia đình của bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Do bị cáo Bé B nghề nghiệp làm thuê, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Bị cáo Diệp Văn V2 dùng số tiền đánh bạc là 800.000 đồng (kết quả thắng cược là 400.000 đồng). Tuy bị cáo V2 không có tiền án, tiền sự và nhân thân tốt nhưng ngoài việc bị cáo V2 tham gia đánh bạc thì bị cáo V2 còn tham gia với làm cái. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo V2 tương xứng hành vi mà bị cáo V2 thực hiện cũng đủ giáo dục với bị cáo V2.

- Bị cáo Nguyễn Văn N dùng số tiền đánh bạc là 200.000 đồng (kết quả không ăn thua). Tuy bị cáo N không có tiền án, tiền sự và nhân thân tốt nhưng ngoài việc bị cáo N tham gia đánh bạc thì bị cáo N còn tham gia làm cái. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo N với mức phạt tương xứng hành vi mà bị cáo N thực hiện cũng đủ giáo dục với bị cáo N.

- Các bị cáo Phan Văn L dùng số tiền đánh bạc là 1.900.000 đồng nhưng bị cáo chỉ mới đặt được 03 ván (kết quả 01 ván ăn, 01 ván thua và 01 ván huê); bị cáo Trần Thị Ngọc K dùng số tiền đánh bạc là 800.000 đồng (kết quả không ăn thua); bị cáo Phạm Văn Q dùng số tiền đánh bạc là 650.000 đồng (không ăn thua); bị cáo Nguyễn Văn V4 dùng số tiền đánh bạc là 500.000 đồng (kết quả không ăn thua); bị cáo Trương Thanh P dùng số tiền 400.000 đồng (kết quả thua); bị cáo Phan Thị H2 dùng số tiền 250.000 đồng đánh bạc (kết quả chưa ăn thua); bị cáo Trần Thị Kiều L4 dùng số tiền đánh bạc là 200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 dùng số tiền đánh bạc là 150.000 đồng (kết quả thua). Các bị cáo L, Ngọc K, Q, V5, Thanh P, H2, Kiều L4 và Thúy L5 đều không có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với từng bị cáo và mức phạt tiền tương xứng mỗi hành vi mà các bị cáo đã thực hiện cũng đủ giáo dục với các bị cáo.

- Bị cáo Lê Văn T8 dùng số tiền đánh bạc là 300.000 đồng. Tuy bị cáo T8 không có tiền án tiền sự nhưng trong thời gian bị cáo đang bị Viện kiểm sát truy tố về tội đánh bạc, bị cáo tiếp vi phạm về hành vi đánh bạc và bị Công an huyện C xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng. Do đó, việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo T8 là chưa đảm bảo răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T8 bằng hình phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt tiền bổ sung mới đảm bảo việc răn đe giáo dục cho bị cáo T8. Đồng thời, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh kết hợp với gia đình của bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Do bị cáo T8 không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo Võ Thị Thu V, Nguyễn Văn Bé B và Lê Văn T8 cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật.

[10] Miễn khấu trừ thu thập cho bị cáo Nguyễn Văn Bé B và Lê Văn T8

[11] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tích thu tiêu hủy đối với 03 bộ bài tây (loại 52 lá) trong đó có 02 bộ đã qua sử dụng (Trong đó: 01 bộ sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023 không rõ của ai, còn lại 02 bộ của bị cáo Võ Thị Thu V không sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023 và bị cáo V thống nhất bài không có giá trị sử dụng và cho tích tiêu hủy)

Tích thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền có liên quan đến việc đánh bạc của các bị cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn B5 Bấy số tiền 752.000 đồng (đang tạm giữ số tiền 52.000 đồng, buộc bị cáo nộp thêm 700.000 đồng).

Bị cáo Diệp Văn D3 số tiền 1.200.000 đồng (trong số tiền 5.532.000 đồng bị tạm giữ). Còn lại số tiền 4.532.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.000.000 đồng). Còn lại số tiền 2.800.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.000.000 đồng). Còn lại số tiền 2.800.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Phan văn L7 số tiền 1.900.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị Ngọc K số tiền 800.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 4.300.000 đồng). Còn lại số tiền 3.500.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Phạm Văn Q số tiền 650.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 4.100.000 đồng). Còn lại số tiền 3.450.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn V4 số tiền 500.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.046.000 đồng). Còn lại số tiền 2.546.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Trương Thanh P số tiền 400.000 đồng.

Bị cáo Phan Thị H2 số tiền 250.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 7.850.000 đồng). Còn lại số tiền 7.600.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Trần Thị Kiều L4 số tiền 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 1.579.000 đồng). Còn lại số tiền 1.379.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 số tiền 150.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 835.000 đồng). Còn lại số tiền 685.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 số tiền 150.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 835.000 đồng). Còn lại số tiền 685.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Lê Văn T8 số tiền 300.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.789.000 đồng). Còn lại số tiền 3.489.000 đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tổng số tiền là 35.983.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã nộp vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước huyện C quản lý. Hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra tại Kho bạc Nhà nước huyện C bảo quản theo quy định.

[12] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận các bị cáo Võ Thị Thu V phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các bị cáo Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án và từng hành vi của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; xét thấy các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[14] Đối với Nguyễn Thị T2, quá trình điều tra xác định T2 không có tham gia đánh bạc với các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý.

[15] Đối với hành vi “Đánh bạc trái phép” của các bị cáo Phan Thị H2, Trương Thanh P, Diệp Văn V2, Phạm Văn Q và Nguyễn Thị Thúy L5 trước ngày 24/01/2023 tại quán nước giải khát của bị cáo Võ Thị Thu V không xác định được số tiền tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa đủ căn cứ để chuyển Cơ quan có thẩm quyền xử lý.

[16] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Các bị cáo được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Võ Thị Thu V phạm tội “Gá bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Văn Bé B, Diệp Văn V2, Nguyễn Văn N, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V6, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5 và Lê Văn T8 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Đối với bị cáo Võ Thị Thu V: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thu V 01 (một) năm tù. Thời hạn bị cáo chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 10 năm 2023.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị Thu V nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Bé B: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B5 Bày 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Bé B nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Bé B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn Bé B có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn Bé B.

3. Đối với bị cáo Lê Văn T8: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T8 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T8 nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T8 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Lê Văn T8 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Văn T8.

4. Đối với bị cáo Diệp Văn V2: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Diệp Văn V2 từ 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

5. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

6. Đối với bị cáo Phan Văn L: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

7. Đối với bị cáo Trần Thị Ngọc K: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc K 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

8. Đối với bị cáo Phan Văn Q3: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Văn Q3 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

9. Đối với bị cáo Nguyễn Văn V4: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V4 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

10. Đối với bị cáo Trương Thanh P: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Thanh P 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

11. Đối với bị cáo Phan Thị H2: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Thị H2 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

12. Đối với bị cáo Trần Thị Kiều L4: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kiều L4 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

13. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5: Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây (loại 52 lá). Trong đó, 02 bộ đã qua sử dụng; 01 bộ sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023 không rõ của ai (còn lại 02 bộ của bị cáo Võ Thị Thu V không sử dụng vào việc đánh bạc ngày 24/01/2023)

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Nguyễn Văn Bé B dùng để đánh bạc là 752.000 đồng (đang tạm giữ 52.000 đồng) buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé B nộp thêm 700.000 đồng;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Diệp Văn V2 dùng để đánh bạc là 1.200.000 đồng (trong số tiền 5.532.000 đồng đang bị tạm giữ). Số tiền còn lại là 4.532.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo V2.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Nguyễn Văn N là 200.000 (trong số tiền đang bị tạm giữ 3.000.000 đồng). Số tiền còn lại là 2.800.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo N.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Phan Văn L là 1.900.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Trần Thị Ngọc K là 800.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 4.300.000 đồng). Số tiền còn lại số tiền 3.500.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo Ngọc K.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Phạm Văn Q là 650.000 đồng (trong số tiền đang bị tạm giữ 4.100.000 đồng). Số tiền còn lại là 3.450.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo Q.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Nguyễn Văn V4 là 500.000 (trong số tiền tạm giữ 3.046.000 đồng). Số tiền còn lại là 2.546.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo V6.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Trương Thanh P 400.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Phan Thị H2 250.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 7.850.000 đồng). Số tiền còn lại là 7.600.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo H2.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Trần Thị Kiều L4 là 200.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 1.579.000 đồng). Số tiền còn lại là 1.379.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo Kiều L4.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Nguyễn Thị Thúy L5 là 150.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 835.000 đồng). Còn lại số tiền 685.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo Thúy L5.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Lê Văn T8 là 300.000 đồng (trong số tiền tạm giữ 3.789.000 đồng). Còn lại số tiền 3.489.000 đồng của bị cáo cần giao cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè để đảm bảo thi hành án phần của bị cáo T8.

Tổng số tiền là 35.983.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã nộp vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước huyện C quản lý. Hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra tại Kho bạc Nhà nước huyện C bảo quản theo quy định.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc các bị cáo Võ Thị Thu V, Diệp Văn V2, Phan Văn L, Trần Thị Ngọc K, Nguyễn Văn Bé B, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn V4, Trương Thanh P, Phan Thị H2, Trần Thị Kiều L4, Nguyễn Thị Thúy L5, Nguyễn Văn N và Lê Văn T8 nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Ai